

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 769/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04 tháng 6 năm 2015 về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội trên cơ sở tổ chức lại Trường Cao đẳng Công nghiệp – Dệt May Thời trang Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho Quyết định số 677/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 30/5/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội về việc ban hành quy xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học.

Điều 3. Các phòng, khoa/trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /..H

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH;
- Lưu: VT, ĐT (2).


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP DỆT MAY
HÀ NỘI
Hoàng Xuân Hiệp



QUY ĐỊNH

Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 182/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định quy trình thực hiện, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ giữa các phòng/khoa/trung tâm (sau đây viết tắt là các đơn vị chức năng) trong việc xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học và CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7.

2. Văn bản này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường) có liên quan đến việc xây dựng, thẩm định và ban hành các CTĐT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra (CĐR) phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chuẩn chương trình đào tạo

a) Chuẩn CTĐT của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, CĐR, chuẩn đầu vào (CĐV), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

b) Chuẩn CTĐT của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn CTĐT trình độ tương ứng.

3. Năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành/chuyên ngành tương ứng đối với mỗi trình độ đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

5. Chuẩn đầu vào hay còn gọi là yêu cầu đầu vào của một CTĐT là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đó.

6. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là CTĐT của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

7. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

8. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

9. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

10. Thành phần của một CTĐT là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của CTĐT.

11. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong CTĐT. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

Điều 3. Mục tiêu chương trình đào tạo

1. Phải thể hiện rõ kỳ vọng về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.

2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

3. Phải nhất quán với mục tiêu của CTĐT, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

a) Kiến thức

- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

b) Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

c) Mức tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

5. Phải bảo đảm tính liên thông với CĐV của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình có cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

6. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong CDR của các học phần và thành phần trong CTĐT, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống thông qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng CĐV có khả năng hoàn thành CTĐT trong thời gian tiêu chuẩn.

Điều 5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

1. Phải xác định rõ các yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập và hoàn thành tốt CTĐT.

2. CĐV của CTĐT trình độ đại học và CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

Điều 6. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong CTĐT được xác định bằng số tín chỉ.

2. Khối lượng học tập tối thiểu đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học là số lượng tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được ở trình độ đào tạo đó.

a) CTĐT đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

b) CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

3. Tín chỉ là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

4. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

5. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

6. Khối lượng học tập tối thiểu đối với các CTĐT song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với CTĐT ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với CTĐT đơn ngành tương ứng.

Điều 7. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Cấu trúc và nội dung

a) Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của CTĐT như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác (nếu có);

b) CTĐT phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình;

c) CTĐT phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

d) CTĐT phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

e) CTĐT phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi thành phần, học phần của CTĐT phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và CDR của CTĐT.

3. Yêu cầu đối với CTĐT đại học và CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7.

a) Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các học phần lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành;

b) Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

c) Đối với CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7, yêu cầu khối lượng thực tập tối thiểu 8 tín chỉ.

Điều 8. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được CĐR của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả CTĐT.

2. Đánh giá kết quả học tập phải dựa trên CĐR, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong CĐR của mỗi học phần, mỗi thành phần và CTĐT.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện CTĐT.

Chương II XÂY DỰNG, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

1. CTĐT xây dựng phải đảm bảo

a) Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các khoa/trung tâm chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn;

b) Được tham khảo, đối sánh với CTĐT có cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

c) Được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các học phần với CĐR, bảo đảm CĐR của chương trình được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành CĐR của các học phần;

d) Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào CĐR của học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng CĐR;

e) Có quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT, bảo đảm chất lượng đào tạo;

f) Đối với các CTĐT song ngành, ngành chính - ngành phụ, chương trình cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những phần riêng theo từng ngành;

2. Quy trình tổ chức xây dựng CTĐT

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NGHỆP
HÀ NỘI

Bước 1. Đề xuất hội đồng xây dựng CTĐT: các khoa/trung tâm căn cứ kế hoạch chung của Trường về nhu cầu mở ngành đào tạo mới, thực hiện đề xuất hội đồng xây dựng CTĐT (Mẫu 03). Thời gian gửi đề xuất về phòng Đào tạo chậm nhất tháng 02 hàng năm.

Bước 2. Thành lập hội đồng xây dựng CTĐT: căn cứ đề xuất của các khoa/trung tâm, phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng thành lập hội đồng xây dựng CTĐT.

Bước 3. Xây dựng CTĐT

Hội đồng xây dựng CTĐT căn cứ nhiệm vụ được giao, thực hiện xây dựng chương trình theo trình tự sau:

a) Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT phải gắn với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường.

b) Xây dựng CDR của CTĐT

Xác định CDR: cần xác định CDR cụ thể theo hệ thống kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với đối tượng và mục tiêu giáo dục, đồng thời đáp ứng các yêu cầu tại điều 4 của văn bản này.

Thang đo xác định cấp độ của CDR thể hiện tại *Phụ lục I*.

Hướng dẫn thực hiện xây dựng CDR thể hiện tại *Phụ lục II*.

c) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức, nội dung của CTĐT: đảm bảo theo các quy định chung thể hiện tại điều 6, điều 7 của văn bản này.

- Xác định các học phần và nội dung kiến thức của CTĐT cần thiết để đảm bảo mục tiêu và CDR;

- Xác định thời lượng các học phần để đảm bảo nội dung của CTĐT;

- Xác định mối quan hệ giữa các học phần với nhau và với CDR;

- Sắp xếp các học phần vào các học kỳ đảm bảo tính logic của CTĐT, điều kiện tiên quyết của các học phần, khối lượng học tập, điều kiện về cơ sở vật chất, giảng viên,...;

- CTĐT được xây dựng với quỹ thời gian toàn khóa nên ngoài việc xác định nội dung học tập cần xác định rõ các hoạt động khác trong khuôn khổ của chương trình như: thi kỳ, hoạt động ngoại khóa, lễ Tết,;

d) Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài đã được kiểm định chất lượng để hoàn thiện CTĐT. Chú ý phân tích, đánh giá những điểm phù hợp của chương trình so với chương trình đối sánh;

e) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định (Mẫu 02);

- Mục tiêu, CDR và nội dung của đề cương chi tiết học phần phải đáp ứng mục tiêu và CDR của CTĐT.

- Cần xác định cụ thể nội dung, thời lượng lý thuyết/thực hành/thực tập/tự học, hoạt động dạy và học phù hợp để đạt CDR của học phần.

- Thể hiện rõ phương pháp đánh giá học phần phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR.

f) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài Trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT;

g) Hoàn thiện dự thảo CTĐT: hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan (Mẫu 01).

Bước 4. Tổ chức thẩm định theo điều 16 của Quy định này.

Bước 5. Căn cứ kết luận của hội đồng thẩm định, phòng Đào tạo xin ý kiến của hội đồng khoa học và đào tạo về việc ban hành CTĐT để thực hiện.

Bước 6. Hiệu trưởng căn cứ ý kiến của hội đồng khoa học và đào tạo ban hành CTĐT áp dụng thực hiện.

Quy trình xây dựng CTĐT được trình bày tại Phụ lục III.

Điều 10. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

1. Cơ cấu của hội đồng

a) Số lượng thành viên hội đồng: hội đồng có ít nhất 05 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên.

b) Thành phần hội đồng: có ít nhất 01 người là chuyên gia phát triển CTĐT/bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, 01 người đến từ đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo, các thành viên còn lại là đại diện giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT.

2. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng

a) Chủ tịch hội đồng phải có trình độ tiến sĩ trở lên.

b) Các thành viên hội đồng

- Đối với giảng viên: phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm chuyên môn liên quan đến ngành đào tạo và có năng lực phát triển CTĐT;

- Đối với chuyên gia phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng, đại diện đơn vị sử dụng lao động: phải có kinh nghiệm trong thực tế liên quan đến ngành đào tạo.

3. Trách nhiệm của hội đồng

a) Lập kế hoạch phân công nhiệm vụ cho các thành viên thực hiện;

b) Tổ chức xây dựng CTĐT theo đúng kế hoạch;

c) Định kỳ hàng tháng, báo cáo tiến độ thực hiện cho lãnh đạo đơn vị phụ trách.

Điều 11. Tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo

1. Yêu cầu chung

a) CTĐT phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu trong các quy định như Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT theo quy định tại các điều 3,4,5,6,7,8 của văn bản này;

c) Việc đánh giá phải căn cứ trên kết quả đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT đối với mỗi khoá học và phản hồi của các bên liên quan (đơn vị sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi CDR phải được đánh giá tối thiểu 02 (hai) lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT;

d) Việc đánh giá phải làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CDR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);



e) Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

f) Chu kỳ thực hiện đánh giá tổng thể CTĐT tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự quy trình xây dựng mới CTĐT được quy định tại khoản 2, điều 9 của văn bản này. Hiệu trưởng ban hành CTĐT dưới dạng chương trình xây dựng mới hoặc chương trình sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

g) Việc đánh giá chất lượng CTĐT cần phải thực hiện trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định tại khoản 5, điều 33, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại điều này.

2. Quy trình thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT

Bước 1. Lập kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT

Khoa/trung tâm chủ trì lập kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT. Kế hoạch thể hiện cụ thể các thông tin về nội dung, nhân lực, thời gian thực hiện (Mẫu 04). Thời gian lập kế hoạch rà soát, cập nhật chương trình và gửi các đơn vị liên quan vào tháng 11 hằng năm.

Bước 2. Thu thập các thông tin, minh chứng

Cần cập nhật những thay đổi theo yêu cầu trong các quy định mới của Nhà nước, của Trường về CTĐT; thu thập những tiến bộ mới của khoa học, kỹ thuật trong thực tế sản xuất của ngành; những nội dung liên quan đến nhu cầu xã hội, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo; ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT...

Thời gian thực hiện thu thập thông tin vào tháng 12.

Bước 3. Xây dựng báo cáo đánh giá CTĐT

Thực hiện đánh giá các thông tin thu thập; rà soát, đánh giá tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (mức độ đáp ứng về mục tiêu, CDR; tính logic về sự gắn kết của các ma trận liên quan trong nội dung chương trình; phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá...); đối sánh với các CTĐT tương ứng trong và ngoài nước.

Lập báo cáo đánh giá CTĐT và đề xuất chỉnh sửa, hoàn thành chậm nhất vào tháng 2.

Bước 4. Dự thảo nội dung chỉnh sửa, cập nhật CTĐT

Căn cứ kết quả báo cáo đánh giá CTĐT và đề xuất chỉnh sửa, khoa/trung tâm chủ trì thực hiện dự thảo nội dung chỉnh sửa CTĐT, cập nhật theo đúng mẫu quy định. Thời gian hoàn thành chậm nhất tuần 2 của tháng 4.

Bước 5. Tổ chức thẩm định CTĐT

Thẩm định cấp khoa/trung tâm chậm nhất tháng 4.

Khoa/trung tâm chủ trì báo cáo giám hiệu phụ trách xem xét thông qua nội dung CTĐT chỉnh sửa.

Nếu cần thiết, khoa/trung tâm chủ trì đề xuất (thể hiện trong biên bản thẩm định cấp khoa/trung tâm) việc tổ chức thẩm định cấp trường theo quy định tại điều 16 của văn bản này chậm nhất vào tháng 5.

Bước 6. Ban hành CTĐT

Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và áp dụng CTĐT đã được cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của hội đồng khoa học và đào tạo sau khi chương trình được thông qua. CTĐT được ban hành chậm nhất tuần 1 tháng 6.

Quy trình rà soát, cập nhật CTĐT được trình bày tại *Phụ lục IV*.

Chương III

THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 12. Cơ cấu và tiêu chuẩn của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

1. Thành lập hội đồng thẩm định CTĐT

a) Khoa/trung tâm chủ trì ngành đề xuất thành viên hội đồng thẩm định CTĐT cấp trường gửi về phòng Đào tạo (*Mẫu 05*). Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các cơ sở giáo dục khác đúng chuyên ngành tham gia hội đồng thẩm định.

b) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định cấp trường trên cơ sở đề xuất của phòng Đào tạo.

- Thành phần của hội đồng thẩm định bao gồm: 01 chủ tịch hội đồng; 01 uỷ viên thư ký hội đồng; các uỷ viên trong đó có ít nhất 02 uỷ viên phản biện.

- Hội đồng thẩm định phải có số thành viên là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên, tùy theo khối lượng công việc, yêu cầu của từng CTĐT.

- Các thành viên hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng thẩm định

a) Hội đồng cấp khoa, hội đồng thẩm định cấp trường nội bộ gồm các giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục có kinh nghiệm 05 năm trở lên trong giảng dạy, quản lý hoặc hoạt động chuyên môn liên quan đến CTĐT cần thẩm định, có kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình, có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Các thành viên thuộc hội đồng xây dựng CTĐT không tham gia hội đồng thẩm định.

- Hội đồng thẩm định có thể thành lập các tiểu ban để thẩm định đề cương chi tiết học phần trong CTĐT.

- Chủ tịch hội đồng phải từ tiến sĩ trở lên; các thành viên còn lại phải từ thạc sĩ trở lên.

b) Hội đồng cấp trường mời ngoài

Thành phần hội đồng gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành/chuyên ngành hoặc ngành gần đối với CTĐT thuộc ngành mới, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; trong đó tối thiểu 02 uỷ viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động; các thành viên thuộc hội đồng xây dựng CTĐT không tham gia hội đồng thẩm định.

Điều 13. Nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số, phân công trách nhiệm cho từng thành viên.

2. Hội đồng thẩm định và các thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng thẩm định.

3. Phiên họp của hội đồng thẩm định phải đảm bảo ít nhất có mặt 3/4 tổng số thành viên của hội đồng. Trường hợp thành viên của hội đồng thẩm định được triệu



tập vắng mặt có lý do chính đáng và có ý kiến tham gia bằng văn bản gửi hội đồng thẩm định thì được coi là ý kiến chính thức của thành viên trong phiên họp; nếu không có ý kiến tham gia bằng văn bản coi như không tham gia biểu quyết. Các phiên họp của hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản chi tiết.

4. Hội đồng thẩm định biểu quyết thông qua ý kiến thẩm định bằng văn bản. Mỗi nội dung thông qua phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của hội đồng thẩm định tán thành mới được coi là ý kiến chính thức của hội đồng.

5. Hội đồng phải đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, CĐR đã xác định.

6. Những ý kiến khác với ý kiến chính thức của hội đồng thẩm định được bảo lưu và trình Hiệu trưởng xem xét. Việc bác bỏ hoặc chấp thuận ý kiến chính thức của hội đồng thẩm định và ý kiến bảo lưu do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng thẩm định

1. Nhiệm vụ của hội đồng

a) Tổ chức thẩm định: hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định đào tạo đại học hiện hành, các quy định hiện hành về CTĐT, yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo để đọc, nhận xét, đánh giá dự thảo CTĐT về cơ sở xây dựng chương trình, mục tiêu đào tạo, CĐR, nội dung chương trình; phân bổ thời gian, bố trí tiến độ,...

b) Thống nhất kết luận và báo cáo kết quả đánh giá CTĐT

- Hội đồng thông qua kết luận trong biên bản họp của hội đồng về việc thẩm định dự thảo CTĐT đối với từng ngành đào tạo nhằm đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm và tính thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, làm cơ sở cho việc phê duyệt (hoặc không phê duyệt) đối với từng CTĐT. Hội đồng phải thể hiện kết luận rõ về CTĐT theo một trong các trường hợp sau:

+ Đồng ý thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung.
+ Đồng ý thông qua CTĐT nhưng cần rà soát, chỉnh sửa và bổ sung (nêu rõ các nội dung cần phải chỉnh sửa và bổ sung).

+ Không thông qua CTĐT (nêu rõ lý do không thông qua).

- Báo cáo kết quả đánh giá của cuộc họp thẩm định với Hiệu trưởng.

c) Ban hành kết luận của cuộc họp thẩm định đến các cá nhân, đơn vị liên quan.

2. Quyền hạn của hội đồng

a) Kiến nghị với hội đồng xây dựng CTĐT chỉnh sửa, bổ sung nhằm hoàn thiện dự thảo chương trình sau thẩm định.

b) Đề xuất với Hiệu trưởng các vấn đề liên quan đến việc nâng cao chất lượng dự thảo chương trình.

Điều 15. Nhiệm vụ của các thành viên hội đồng thẩm định

1. Chủ tịch hội đồng thẩm định

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng thẩm định theo quy định;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, triệu tập và chủ trì các phiên họp của hội đồng thẩm định; quyết định mời thêm các thành phần có liên quan đến nội dung phiên họp khi cần thiết;

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng thẩm định, chỉ đạo thư ký thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch;

d) Xem xét các văn bản có liên quan đến quá trình hoạt động của hội đồng thẩm định, ký duyệt biên bản của hội đồng thẩm định và các văn bản liên quan.

2. Thư ký hội đồng

a) Thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của chủ tịch hội đồng thẩm định, tham gia các cuộc họp của hội đồng thẩm định;

b) Cung cấp các tài liệu, văn bản, lịch làm việc của hội đồng cho các thành viên hội đồng thẩm định chậm nhất 05 ngày trước mỗi phiên họp.

c) Ghi chép đầy đủ và trung thành ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định trong các phiên họp của hội đồng và ý kiến của các tổ chức, cá nhân liên quan; lập báo cáo tổng hợp các kiến nghị của hội đồng thẩm định trình chủ tịch hội đồng ký duyệt chậm nhất 05 ngày kể từ ngày họp.

d) Giúp chủ tịch trong việc chuẩn bị nội dung chương trình, tổ chức các cuộc họp của hội đồng, đảm bảo mối liên hệ công tác giữa các thành viên hội đồng cũng như với các tổ chức, cá nhân có liên quan.

e) Gửi kết luận của hội đồng thẩm định cho các đơn vị liên quan; rà soát các nội dung chỉnh sửa so với kết luận và trình hội đồng xem xét.

f) Quản lý tài liệu liên quan đến hoạt động của hội đồng thẩm định theo đúng chế độ bảo mật.

3. Các thành viên hội đồng thẩm định

a) Tham gia đầy đủ các phiên họp của hội đồng thẩm định, chuẩn bị các ý kiến bằng văn bản gửi cho thư ký hội đồng thẩm định để tổng hợp, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đúng thời hạn các công việc của hội đồng thẩm định theo sự phân công của chủ tịch hội đồng thẩm định;

b) Quản lý tài liệu liên quan đến hoạt động của hội đồng thẩm định theo đúng chế độ bảo mật.

Điều 16. Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo

1. Thẩm định cấp khoa/trung tâm

a) Hội đồng thẩm định cấp khoa/trung tâm do Trưởng khoa/trung tâm ra quyết định thành lập.

b) Trưởng khoa/trung tâm tổ chức thẩm định cấp khoa/trung tâm. Sau khi hoàn chỉnh, gửi về phòng Đào tạo hồ sơ thẩm định cấp khoa/trung tâm. Hồ sơ gồm:

- Dự thảo CTĐT cần thẩm định (bản mềm);
- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định cấp khoa/trung tâm (bản photo);
- Biên bản họp hội đồng thẩm định cấp khoa/trung tâm (bản photo);
- Bản nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định cấp khoa/trung tâm (bản photo);
- Đề xuất hội đồng thẩm định cấp trường (bản gốc).
- Bản giải trình các nội dung chỉnh sửa CTĐT (bản photo và file) trong trường họp thẩm định các CTĐT chỉnh sửa.

2. Thẩm định cấp trường

a) Hội đồng thẩm định cấp trường do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

b) Tổ chức thẩm định cấp trường gồm 02 vòng: nội bộ và mời ngoài

- Thẩm định cấp trường nội bộ

+ Từng thành viên hội đồng thẩm định đọc toàn bộ dự thảo và viết bản nhận xét (*Mẫu 06*) đề xuất với hội đồng xây dựng những vấn đề liên quan đến dự thảo CTĐT.

+ Thư ký hội đồng thẩm định tập hợp hồ sơ, biên bản trong đó ghi rõ ý kiến của từng thành viên hội đồng trình chủ tịch hội đồng xem xét trước cuộc họp.

+ Cuộc họp của hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản chi tiết nhận xét, trao đổi của các thành viên dự họp; trong đó cụ thể ý kiến chỉnh sửa và kết luận của hội đồng thẩm định (*Mẫu 07*). Biên bản cuộc họp hội đồng thẩm định phải có chữ ký của chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng.

+ Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ các nội dung theo đúng quy định tại điểm b, khoản 1, điều 14 của văn bản này.

+ Hội đồng xây dựng chỉnh sửa theo kiến nghị của hội đồng thẩm định, gửi bản tiếp thu ý kiến và dự thảo CTĐT sau chỉnh sửa cho thư ký hội đồng. Thư ký hội đồng rà soát các nội dung chỉnh sửa so với kết luận và trình hội đồng xem xét nếu đã chỉnh sửa theo kết luận. Trường hợp chưa chỉnh sửa theo kết luận, thư ký yêu cầu hội đồng xây dựng hoàn thiện theo kết luận.

+ Trường hợp hội đồng xây dựng không nhất trí với nhận xét của hội đồng thẩm định cần có ý kiến trao đổi tại phiên họp để thống nhất. Trường hợp không thống nhất được, chủ tịch hội đồng thẩm định tập hợp ý kiến của hội đồng thẩm định và ý kiến của hội đồng xây dựng báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định.

**/ Ghi chú: CTĐT được thẩm định ở 02 giai đoạn*

- *Giai đoạn 1: thẩm định chương trình tổng;*

- *Giai đoạn 2: thẩm định đề cương chi tiết các học phần. Ít nhất có 02 phần biên đọc và nhận xét cho một học phần trong chương trình (Mẫu 08).*

- Thẩm định cấp trường mời ngoài

+ Thành phần hội đồng theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 12 của văn bản này.

+ Thành viên hội đồng nhận xét CTĐT (*Mẫu 09*).

+ Cuộc họp của hội đồng thẩm định phải được ghi bằng biên bản chi tiết; trong đó có kết quả biểu quyết về kết luận của hội đồng thẩm định, có chữ ký của các thành viên hội đồng.

3. Trình tự họp thẩm định

Bước 1. Thư ký hội đồng đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

Bước 2. Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp.

Bước 3. Hội đồng xây dựng CTĐT trình bày tóm tắt dự thảo CTĐT (trên slide), cần làm rõ các nội dung sau: căn cứ để xây dựng chương trình, các chương trình đã tham khảo để làm rõ điểm khác biệt của chương trình đã xây dựng, nội dung chương trình, điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo,...

Bước 4. Hội đồng nhận xét nội dung CTĐT theo *Mẫu 06* (đối với thẩm định cấp trường nội bộ) và *Mẫu 09* (đối với thẩm định cấp trường mời ngoài).

Bước 5. Trao đổi giữa hội đồng thẩm định với hội đồng xây dựng CTĐT; với đại biểu tham dự (nếu có).

Bước 6. Hội đồng thẩm định họp kín thông qua dự thảo biên bản trước khi kết luận.

Bước 7. Hội đồng thông qua biên bản họp và kết luận.

4. Ban hành CTĐT: căn cứ kết luận của hội đồng thẩm định, trên cơ sở ý kiến của hội đồng khoa học và đào tạo, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và áp dụng CTĐT; công bố công khai chương trình, mục tiêu, CĐR của CTĐT và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của Trường.

Quy trình thẩm định CTĐT được thể hiện trong *Phụ lục V*

Điều 17. Quyền lợi của thành viên trong các hội đồng

Thành viên các hội đồng xây dựng chương trình, hội đồng thẩm định được hưởng chế độ theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Chương IV QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị/cá nhân trong công tác quản lý chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng

a) Chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng, cập nhật CTĐT; theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện; tổ chức thẩm định, phê duyệt, ban hành CTĐT.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt, ban hành CTĐT trên cơ sở đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo; công bố công khai chương trình, mục tiêu, CĐR của CTĐT và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình trên trang thông tin điện tử của Trường.

2. Khoa/trung tâm chủ trì CTĐT

a) Chỉ đạo, triển khai, giám sát, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, cập nhật CTĐT.

b) Tổ chức khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của ngành đào tạo, các nội dung chuyên biệt phục vụ xây dựng và cập nhật CTĐT.

c) Tổ chức đánh giá các CTĐT do đơn vị phụ trách, lập báo cáo đánh giá chương trình đảm bảo theo các yêu cầu tại điều 11 của văn bản này.

d) Cung cấp thông tin về CTĐT cho đơn vị chuyên trách thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của Trường;

e) Lập kế hoạch xây dựng, đánh giá và cập nhật CTĐT theo đúng chu kỳ;

f) Tổ chức thẩm định CTĐT ở cấp khoa/trung tâm, đề nghị thẩm định CTĐT cấp trường.

g) Chịu trách nhiệm về chất lượng chuyên môn của CTĐT.

h) Phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc thực hiện báo cáo về CTĐT như tác động đánh giá chương trình và đánh giá CĐR của các chương trình đến cải tiến chất lượng của các CTĐT.

i) Đối với các các ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực chưa ban hành chuẩn CTĐT, khoa/trung tâm xây dựng CTĐT căn cứ quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT tại văn bản này, tham khảo tiêu chuẩn nghề nghiệp trong nước và quốc tế cho ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng để xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT.

3. Khoa/trung tâm tham gia xây dựng/cập nhật/giảng dạy

a) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên hội đồng xây dựng CTĐT thuộc đơn vị; chỉ đạo, tổ chức, thực hiện xây dựng và thẩm định đề cương chi tiết học phần do đơn vị phụ trách; chịu trách nhiệm về chất lượng chuyên môn các học phần do đơn vị xây dựng.

b) Rà soát, cập nhật nội dung vào đề cương học phần theo đúng quy định. Đề nghị điều chỉnh hoặc thay thế học phần phù hợp với nhu cầu của ngành đào tạo tới khoa/trung tâm chủ trì.

c) Cung cấp đề cương chi tiết học phần tới giảng viên, người học theo đúng quy định; tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá người học theo đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt.

4. Phòng Đào tạo

a) Soạn thảo các Quyết định thành lập hội đồng xây dựng CTĐT, hội đồng thẩm định cấp trường; cung cấp các tài liệu phục vụ việc xây dựng CTĐT cho các đơn vị/cá nhân liên quan; trình ký duyệt ban hành CTĐT; cập nhật các văn bản mới của Nhà nước về CTĐT, hướng dẫn và triển khai tới các đơn vị trong Trường.

b) Chủ trì thực hiện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hằng năm về CTĐT theo các yêu cầu: thông tin chung về chương trình (tên chương trình, địa điểm thực hiện chương trình, yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình, tình trạng kiểm định chất lượng chương trình); tác động đánh giá chương trình và đánh giá CDR của các chương trình đến cải tiến chất lượng của các CTĐT; nguồn lực thực hiện chương trình bao gồm: phân tích số lượng và phân bố giảng viên, giảng viên có trình độ chuyên môn liên quan đến ngành; ngân sách và nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ đào tạo.

5. Trung tâm Đảm bảo chất lượng

a) Triển khai các cuộc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch đảm bảo chất lượng trong quá trình triển khai thực hiện CTĐT.

6. Phòng Kế hoạch – Tài chính

a) Xây dựng ngân sách liên quan đến các hoạt động xây dựng, đánh giá, cập nhật và kiểm định CTĐT.

b) Thực hiện các công việc liên quan đến thanh toán theo chế độ cho các hoạt động xây dựng, rà soát, cập nhật, thẩm định CTĐT.

c) Phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc thực hiện báo cáo về CTĐT như thông tin về ngân sách và nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ đào tạo.

7. Phòng Tổ chức – Hành chính: phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc

thực hiện báo cáo về CTĐT như nguồn lực thực hiện chương trình (bao gồm phân

tích số lượng và phân bố giảng viên, giảng viên có trình độ chuyên môn liên quan đến ngành).

8. Khoa Tin học – Ngoại ngữ: chỉ đạo Thư viện phối hợp với phòng Đào tạo, các khoa/trung tâm lập kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập theo đúng CTĐT.

9. Phòng Tuyển sinh và Truyền thông: phối hợp với các đơn vị liên quan công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường về các nội dung sau:

a) Thông tin chung về CTĐT gồm chương trình áp dụng đối với khoá tuyển sinh cụ thể; hình thức, phương thức và thời gian đào tạo; các thông tin theo các yêu cầu của chuẩn CTĐT;

b) Kết quả đánh giá CDR của CTĐT, những cải tiến chương trình đã thực hiện trong vòng 05 năm liên tục để nâng cao chất lượng đào tạo;

c) Tình trạng kiểm định của các CTĐT đang thực hiện tại Trường.

Điều 19. Quản lý chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. CTĐT sau khi được hội đồng xây dựng hoàn thiện, được giao cho khoa/trung tâm chủ trì quản lý và thực hiện.

2. CTĐT được phòng Đào tạo đặt mã chương trình, mã học phần theo quy định, trình Hiệu trưởng ký duyệt ban hành tới các đơn vị liên quan để thực hiện.

3. Lưu trữ CTĐT/đề cương chi tiết học phần

a) Khoa/trung tâm chủ trì: lưu file điện tử và bản in (bản gốc) CTĐT/đề cương chi tiết học phần;

b) Phòng Đào tạo: lưu bản in (phô tô có dấu đỏ) CTĐT;

c) Khoa/trung tâm giảng dạy: lưu bản in (phô tô có dấu đỏ) CTĐT/đề cương chi tiết các học phần thuộc đơn vị phụ trách;

d) Thư viện: lưu bản in (phô tô có dấu đỏ) và bản mềm (bản scan có dấu đỏ) CTĐT.

4. CTĐT bàn giao cho các đơn vị liên quan phải có biên bản bàn giao thể hiện số bản giao – nhận, mục đích sử dụng...

5. Mỗi học phần/nhóm học phần chuyên ngành được giao cho Bộ môn thuộc khoa/trung tâm có chuyên môn phù hợp để quản lý.

6. Đề cương chi tiết học phần được khoa/trung tâm cung cấp tới giảng viên, sinh viên theo đúng quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Kiểm tra, thanh tra

1. Đơn vị chủ trì, đơn vị giảng dạy xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra giờ giảng của giảng viên thuộc đơn vị trong việc thực hiện theo đúng CTĐT và đề cương chi tiết học phần đã ban hành;

2. Phòng Công tác sinh viên và Thanh tra giáo dục xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giờ giảng của giảng viên theo đúng CTĐT và đề cương chi tiết học phần đã ban hành.